

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐
Ngành: Dược ; Chuyên ngành: Hóa phân tích – Kiểm nghiệm

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN ĐỨC TUẤN
2. Ngày tháng năm sinh: 08/12/1969 ; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 8C Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 8C Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại nhà riêng: (028) 38444011; Điện thoại di động: 0913799068;
E-mail: ductuan@ump.edu.vn
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
 - Từ năm 1992 đến năm 1994: Trợ giảng tại Bộ môn Sinh hóa, Khoa Dược, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
 - Từ năm 1994 đến năm 1997: Nghiên cứu sinh tại Đại học Innsbruck, Cộng hòa Áo
 - Từ năm 1997 đến năm 1999: Giảng viên tại Bộ môn Sinh hóa, Khoa Dược, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
 - Từ năm 1999 đến năm 2005: Giảng viên Bộ môn Phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
 - Từ tháng 1 năm 2006 đến tháng 8 năm 2016: Giảng viên chính Bộ môn Phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
 - Từ tháng 9 năm 2016 đến nay: Giảng viên cao cấp Bộ môn Phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
 - Từ năm 2007 đến tháng 11 năm 2019: Phó Trưởng Bộ môn Phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

- Từ năm 2012 đến tháng 8 năm 2017: Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu phát triển thuốc có nguồn gốc tự nhiên, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
- Từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 02 năm 2020: Trưởng Đơn vị Đảm bảo chất lượng Giáo dục Khoa Dược, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
- Từ tháng 12 năm 2019 đến nay: Phó Trưởng Khoa Dược, Trưởng Bộ môn Phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
- Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng Khoa Dược, Trưởng Bộ môn Phân tích – Kiểm nghiệm;
- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Khoa Dược
- Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Dược, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ cơ quan: 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại cơ quan: (028) 38558411; (028) 38295641
- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):
- 8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm
- Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):
- Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):
- 9. Trình độ đào tạo:
- Được cấp bằng ĐH ngày 30 tháng 09 năm 1992, ngành: Dược, chuyên ngành: Dược sĩ đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Được cấp bằng ThS ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước):
- Được cấp bằng TS ngày 24 tháng 05 năm 1997, ngành: Hóa học, chuyên ngành: Hóa phân tích – Kiểm nghiệm; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Innsbruck, Cộng hòa Áo
- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):
- 10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 19 tháng 10 năm 2005, ngành: Dược học
- 11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GIÁO SƯ tại HĐGS cơ sở: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
- 12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GIÁO SƯ tại HĐGS ngành: Dược học
- 13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:
- Ứng dụng các phương pháp hóa lý để phân tích dược chất và chất chuyển hóa trong dịch sinh học, thuốc đa thành phần, dược liệu và thuốc dược liệu, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và các chất nguy tạo.
- Tổng hợp và thiết lập chất đối chiếu để ứng dụng trong kiểm nghiệm tạp chất liên quan.
- Tổng hợp và tiêu chuẩn hóa tác nhân quang hoạt để ứng dụng trong phân tích các dược chất quang hoạt bằng phương pháp điện di mao quản.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 05 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 44 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS, 1 luận văn tốt nghiệp Dược sĩ Chuyên khoa II và 15 luận văn tốt nghiệp Dược sĩ Chuyên khoa I;
- Đã (chủ trì) hoàn thành 03 đề tài NCKH cấp thành phố (Sở KH-CN Thành phố Hồ Chí Minh), 41 đề tài cấp cơ sở (Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh). Tham gia (nghiên cứu chính) 2 đề tài NCKH cấp nhà nước đã nghiệm thu;
- Đã công bố 195 bài báo KH, trong đó 16 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 04, trong đó 04 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín (Nhà xuất bản Y học, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ);
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Năm 1993: nhận học bổng 300 USD của chính phủ Áo để nâng cao trình độ ngoại ngữ và vi tính.
- Năm 1994 – 1997: nhận học bổng nghiên cứu sinh tại Đại học Innsbruck, Cộng hòa Áo.
- Năm 1999 – 2000: nhận học bổng sau tiến sĩ (post-doct) tại Đại học Innsbruck, Cộng hòa Áo.
- Năm 2007 – 2008: nhận học bổng sau tiến sĩ tại Đại học Osaka, Nhật.
- Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm, của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2018 - 2019	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Đại học Y Dược TP. HCM ban hành Quyết định số 4955/QĐ-ĐHYD ngày 01/11/2019
2017 - 2018	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Đại học Y Dược TP. HCM ban hành Quyết định số 5227/QĐ-ĐHYD ngày 12/11/2018
2016 - 2017	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Đại học Y Dược TP. HCM ban hành Quyết định số 4103/QĐ-ĐHYD ngày 29/09/2017
2015 - 2016	Chiến sĩ thi đua cấp bộ	Bộ Y tế ban hành Quyết định số 1484/QĐ-BYT ngày 18/4/2017
2015 – 2016	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Đại học Y Dược TPHCM ban hành Quyết định số 4652/QĐ-ĐHYD ngày 28/11/2016
2014 – 2015	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Đại học Y Dược TPHCM ban hành Quyết định số 4240/QĐ-ĐHYD-TCCB ngày 09/11/2015
2013 – 2014	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Đại học Y Dược TPHCM ban hành Quyết định số 4291/QĐ-TC-HC ngày 31/10/2014
2012 – 2013	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Đại học Y Dược TPHCM ban hành Quyết định số 3845/QĐ-ĐHYD-TC-HC ngày 29/10/2013

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm, của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2011 – 2012	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Đại học Y Dược TPHCM ban hành quyết định số 1328/QĐ-ĐH-YDTC, ngày 18/10/2012
2010 – 2011	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Đại học Y Dược TPHCM ban hành quyết định số 1100/QĐ-ĐH-YDTC, ngày 12/10/2011
2008 – 2009	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Đại học Y Dược TPHCM ban hành quyết định số 1058/QĐ/YD-TC, ngày 04/11/2009

- Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm, của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2019	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 1596/QĐ-TTg ngày 11/11/2019
2017	Giấy khen đã có nhiều thành tích trong quá trình xây dựng và phát triển Đại học Y Dược TP. HCM (1947-2017)	Đại học Y Dược TPHCM vào sổ khen thưởng số 4870 / YD-KT ngày 25 tháng 10 năm 2017
2016	Giấy khen đã có nhiều thành tích trong công tác xây dựng và phát triển Đại học Y Dược TP. HCM trong giai đoạn 1976-2016	Đại học Y Dược TPHCM ban hành Quyết định số 3957/QĐ-ĐHYD ngày 13 tháng 10 năm 2016
2016	Giấy khen đạt Giải thưởng Nhà giáo tiêu biểu Cấp Khoa – Năm 2016.	Đại học Y Dược TPHCM ban hành Quyết định số 4107/QĐ-ĐHYD ngày 21 tháng 10 năm 2016
2016	Giải nhất tại Hội nghị Khoa học – Công nghệ tuổi trẻ các trường Đại học, Cao đẳng Y-Dược Việt Nam lần thứ XVIII tại Đà Nẵng, ngày 17-19/05/2016	Bằng khen số 283-QĐ/TWĐTN, ngày cấp 19/05/2016
2015	Giấy chứng nhận đạt giải nhất báo cáo thuyết trình tại Hội nghị ASEAN PharmNET I, 2-4/12/2015, Bangkok, Thái Lan	Hội nghị ASEAN PharmNET I
2014	Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục	Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 5451/QĐ-BGDĐT ngày 18/11/2014
2013	Giấy khen của Hiệu trưởng Đại học Y Dược TPHCM đã có nhiều thành tích trong công tác xây dựng và phát triển Đại học Y Dược TPHCM từ năm 2011 đến năm 2013	Đại học Y Dược TPHCM ban hành Quyết định số 4168/ QĐ-ĐHYD-TC-HC, ngày 13/11/2013
2013	Kỷ niệm chương vì sức khỏe nhân dân	Bộ Y tế ban hành Quyết định số 486/QĐ-BYT, ngày 06/02/2013

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm, của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2013	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế đạt thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học 2011 – 2012	Bộ Y tế ban hành Quyết định số 187/QĐ-BYT, ngày 17/1/2013
2012	Giấy chứng nhận nhóm hướng dẫn đề tài nghiên cứu khoa học đạt giải nhất tại Hội nghị Khoa học Công nghệ tuổi trẻ các trường Đại học, Cao đẳng Y – Dược Việt Nam lần thứ XVI	Ban Tổ chức Hội nghị Khoa học Công nghệ Tuổi trẻ các trường Đại học, Cao đẳng Y Dược Việt Nam lần thứ XVI, ngày 20/5/2012
2012	Kỷ niệm chương “Vì thế hệ trẻ”	Ban chấp hành Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản HCM ban hành Quyết định số 288 QĐ/TWĐTN, ngày 7/05/2012
2008	Giấy chứng nhận hướng dẫn đề tài nghiên cứu khoa học đạt giải nhì tại Hội nghị Khoa học Công nghệ tuổi trẻ các Trường Y Dược Việt Nam lần thứ 14	Đại học Y Dược Huế cấp giấy chứng nhận ngày 20/05/2008

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Chưa có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định Luật Giáo dục.

- Có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, tâm huyết, trách nhiệm với nghề nghiệp, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo.
- Có lối sống lành mạnh, văn minh, chuẩn mực, tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, ứng xử thân thiện với sinh viên, học viên sau đại học.
- Có năng lực chuyên môn, ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giảng dạy đại học và sau đại học, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh thực hiện đề tài tốt nghiệp (khóa luận, luận văn, luận án).
- Có kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu của hoạt động dạy học và giáo dục.
- Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức quá trình dạy học và giáo dục giúp cho Khoa Dược và Nhà trường xây dựng, đổi mới chương trình đào tạo và công tác đảm bảo chất lượng.
- Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, khai thác, phát triển học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả, phù hợp với người học.
- Sử dụng các công cụ, phương pháp đánh giá đúng quy định, hỗ trợ sinh viên và học viên sau đại học tiến bộ trong quá trình học tập và nghiên cứu.
- Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên và học viên sau đại học trong quá trình học tập, nghiên cứu và hướng nghiệp.

- Tạo được mối quan hệ hợp tác, hỗ trợ đồng nghiệp và cấp trên, tạo môi trường văn hóa chất lượng trong Nhà trường.
- Tạo được mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các bên có liên quan.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên: Tổng số 23 năm.

Bảng kê thâm niên giảng dạy trong 6 năm tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (30/06/2020)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2 đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015			4	2	671,8	56	727,8
2	2015-2016			4	3	638,6	129	767,6
3	2016-2017			5	3	527,5	186	713,5
3 năm học cuối								
4	2017-2018	1		3	3	393,7	181,7	575,4
5	2018-2019	1		5	2	284	125	409
6	2019-2020*			5	1	207	125	332

*Giờ giảng dự kiến

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Anh văn**

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒ :

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ nămđến năm.....

- **Bảo vệ** luận văn ThS ☐ hoặc **luận án TS** ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: **Cộng hòa Áo năm 1997** (Nghiên cứu sinh từ năm 1994 đến năm 1997 tại Đại học Innsbruck, Cộng hòa Áo)

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐ :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS	Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		Chính	Phụ			
1	Lê Thị Thu Cúc	x		2008 - 2013	Đại học Y Dược TP. HCM	07/01/2014
2	Chương Ngọc Nãi		x	2009 - 2015		26/01/2016
3	Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ		x	2009 - 2015		19/02/2016
4	Nguyễn Thị Linh Tuyền	x		2013 - 2018		08/01/2019
5	Nguyễn Ngọc Nhã Thảo		x	2012 - 2019		2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi được công nhận chức danh phó giáo sư năm 2005							
1	Kiểm nghiệm thuốc	Giáo trình	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2017	5	X	Trang 1 – 302 (Cùng biên soạn tất cả các bài)	Trường đại học Tây Đô (Số 152/QĐ-ĐHTĐ)
2	Hóa phân tích tập 1	Giáo trình	Nhà xuất bản Y học, 2019	7		Trang 154- 186	Đại học Y Dược TP. HCM (Số 1554/QĐ-ĐHYD)
3	Hóa phân tích tập 2	Giáo trình	Nhà xuất bản Y học, 2019	8		Trang 159- 213; 326- 345	Đại học Y Dược TP. HCM (Số 1555/QĐ-ĐHYD)
4	Thực tập Hóa phân tích	Giáo trình	Nhà xuất bản Y học, 2020	12	X	Trang 37- 52; 120- 126; 141- 147	Đại học Y Dược TP. HCM (Số 683/QĐ-ĐHYD)

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang đến trang (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Xây dựng và ứng dụng các quy trình xác định dư lượng thuốc trừ sâu thuộc các nhóm clor hữu cơ, lân hữu cơ, cúc tổng hợp và carbamat thường sử dụng trên rau bằng phương pháp HPLC và GC	Chủ nhiệm	Mã số: NN (2-85); Sở Khoa học và Công nghệ TP. HCM	2008 - 2011	21/06/2011 (Khá)

2	Nghiên cứu tổng hợp một số tác nhân quang hoạt từ <i>beta</i> -cyclodextrin để ứng dụng trong phân tích được chất quang hoạt bằng phương pháp điện di mao quản	Chủ nhiệm	Mã số: VLM (20-18); Sở Khoa học và Công nghệ TP. HCM	2010 - 2012	24/02/2012 (Xuất sắc)
3	Nghiên cứu điều chế và tiêu chuẩn hóa một số hợp chất để làm chất đối chiếu sử dụng trong kiểm nghiệm tạp chất liên quan của thuốc	Chủ nhiệm	Mã số: NN (56-19-ds 2013); Sở Khoa học và Công nghệ TP. HCM	2014-2016	23/03/2016 (Khá)

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

7.1.1. Tạp chí quốc tế

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc ký yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi được công nhận chức danh phó giáo sư năm 2005								
1.	Fast separation of underivatized carbohydrates by co-electroosmotic capillary electrophoresis	3			Electrophoresis ISSN: 0173-0835 (SCI, SCIE, IF = 2,482)	73	18, 1142-1147	1997
2.	Separation of derivatized carbohydrates by co-electroosmotic capillary electrophoresis	4	X		Chromatographia ISSN: 0009-5893 (SCI, SCIE, IF = 2,079)	29	46/34, 113-121	1997
3.	Capillary electrophoretic separation of protease inhibitors used in human immunodeficiency virus therapy	6			Journal of Chromatography A ISSN: 0021-9673 (SCI, SCIE, IF = 2,789)	29	922, 313-320	2001

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
4.	Simultaneous separation of 11 protease and reverse transcriptase inhibitors for human immunodeficiency virus therapy by co-electroosmotic capillary zone electrophoresis	6			Journal of Chromatography A ISSN: 0021-9673 (SCI, SCIE, IF = 3,302)	18	982, 153-161	2002
5.	Separation of 11 protease and reverse transcriptase inhibitors by capillary zone electrophoresis	6			Journal of Separation Science ISSN: 1615-9306 (SCI, SCIE, IF = 2,035)	9	26, 1198-1202	2003
6.	Simultaneous separation of fifteen approved protease and reverse transcriptase inhibitors for human immunodeficiency virus therapy by capillary electrophoresis	7	X		Electrophoresis ISSN: 0173-0835 (SCI, SCIE, IF = 4,132)	18	24, 662-670	2003
Sau khi được công nhận chức danh phó giáo sư năm 2005								
7.	Quantitative determination of phenolic compounds in Lotus (<i>Nelumbo nucifera</i>) leaves by capillary electrophoresis	5			Planta Medica ISSN: 0032-0943 (SCI, SCIE, IF = 2,640)	7	78, 1796-1799	2012
8.	Analysis of alkaloids in Lotus (<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn.) leaves by non-aqueous capillary electrophoresis using ultraviolet and mass spectrometric detection	5			Journal of Chromatography A ISSN: 0021-9673 (SCI, SCIE, IF = 4,670)	36	1302, 174-180	2013
9.	Quantitative analysis of S-allylcysteine in black garlic via ultra-high-performance liquid chromatography-tandem mass spectrometry	4	X		Systematic Reviews in Pharmacy ISSN: 0975-8453; E-ISSN: 0976-2779 (Scopus Q2, IF = 1,52)		10,1, 161-166	2019
10.	Simultaneous liquid chromatography-tandem mass spectrometry assay of amlodipine besylate and metoprolol succinate in human plasma: Development, validation, and application	3	X		Systematic Reviews in Pharmacy ISSN: 0975-8453; E-ISSN: 0976-2779 (Scopus Q2, IF = 1,52)		10,2, 1-7	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
11.	Parenteral nutrition preparation procedure: a hazard analysis and critical control points approach at a pediatric hospital in Vietnam	18	X		Systematic Reviews in Pharmacy ISSN: 0975-8453; E-ISSN: 0976-2779 (Scopus Q2, IF = 1,52)		11,1 159-164	2020
12.	Development, validation, and application for simultaneous assay of amlodipine, atorvastatin, and <i>ortho</i> - and <i>para</i> -hydroxy atorvastatin as metabolites in human plasma by liquid chromatography tandem mass spectrometry	7	X		Systematic Reviews in Pharmacy ISSN: 0975-8453; E-ISSN: 0976-2779 (Scopus Q2, IF = 1,52)		11,1 165-173	2020
13.	Risk of microbiological contamination when preparing total parenteral nutrition for pediatric patients: A pilot study at a regional hospital in southern Vietnam	18	X		Systematic Reviews in Pharmacy ISSN: 0975-8453; E-ISSN: 0976-2779 (Scopus Q2, IF = 1,52)		11,2, 1-5	2020
14.	Development, validation, and application for simultaneous assay of metformin and sitagliptin in human plasma by liquid chromatography – tandem mass spectrometry	5	X		Systematic Reviews in Pharmacy ISSN: 0975-8453; E-ISSN: 0976-2779 (Scopus Q2, IF = 1,52)		11,2, 6-13	2020
15.	Development and validation of a LC-MS/MS method for determination of multi-class antibiotic residues in aquaculture and river waters, and photocatalytic degradation of antibiotics by TiO ₂ nanomaterials	4	X		Catalyst ISSN: 2073-4344 (SCIE, IF = 3,444)		10, 1-19	2020
16.	Development of standardized specimens with known concentrations for severe acute respiratory syndrome coronavirus 2 Realtime-RT-PCR testing validation	15			Bulletin of the World Health Organisation ISSN: 0042-9686 (SCI, SCIE, IF = 5,942 năm 2019) E-pub: 20 April 2020. doi: http://dx.doi.org/10.2471/BLT.20.259630		98,4	2020

7.1.2. Báo cáo khoa học toàn văn (Proceeding) trong các Hội nghị khoa học quốc tế có phản biện

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc ký yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi được công nhận chức danh phó giáo sư năm 2005								
17.	Determination of primula acids in the root of primrose and pharmaceutical preparations by high performance liquid chromatography	2	X	Proceeding Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			OP76-OP84	2004
18.	Quantitative determination of main flavonoids and leiocarposide in <i>Solidago</i> species by high performance liquid chromatography	1	X	Proceeding Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			PP41-PP47	2004
Sau khi được công nhận chức danh phó giáo sư năm 2005								
19.	Micellar electrokinetic chromatography: perspectives in Vietnam drug analysis	6	X	Proceeding of the Fourth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			1, 169-174	2005
20.	Determination of enantiomeric dexchlorpheniramine maleate in pharmaceuticals by capillary electrophoresis	4	X	Proceeding of the Fourth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			2, 288-291	2005
21.	Simultaneous determination of stavudine, lamivudine, and nevirapine in human plasma by high performance liquid chromatography	3	X	Proceeding of the Fourth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			2, 292-296	2005
22.	Application hydroxyalkyl β -cyclodextrin as a chiral selector for separation of enantiomer of ofloxacin by capillary electrophoresis	5	X	Proceeding of the sixth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			75-79	2009
23.	Simultaneous quantitative determination of paracetamol, ibuprofen, and caffeine in Dimalgin capsules by second derivative spectrophotometry	3	X	Proceeding of the sixth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			614-617	2009

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
24.	Synthesis of new chiral N-alkyl <i>cis</i> (-); <i>cis</i> (+)-4-(3,4-dimethoxyphenyl) tetra- and hexahydrophthalazinone derivatives with selective PDE4 inhibitory activity	5		Proceeding of the sixth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			676-680	2009
25.	Study on alkaloidal constituents of lotus plumules (<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn.)	5		Proceeding of the seventh Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			370-374	2011
26.	Capillary electrophoretic analysis of enantiomer drugs with <i>beta</i> -cyclodextrin derivatives as the chiral selective agents	3	X	Proceeding of the seventh Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			383-387	2011
27.	Simultaneous quantitative determination of nuciferine and neferine in total alkaloids extract from loti embryo (<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn.) by HPLC with PDA detector	5	X	Proceeding of the seventh Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			409-412	2011
28.	Quantitative determination of clonidine in transdermal patches by high performance liquid chromatography with photodiode array detector	5	X	Proceeding of the seventh Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			439-442	2011
29.	Cause-effect relationships and multi-response optimization for desloratadine syrup formulation	4	X	Proceeding of the seventh Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			509-512	2011

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
30.	Analysis of alkaloids in lotus (<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn.) leaves by non-aqueous capillary electrophoresis using ultraviolet and mass spectrometric detection	5		Proceeding of the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			23-28	2013
31.	Drug binding and metabolizing properties of human cytochrome P450C9 and its single-nucleotide polymorphism mutants	2	X	Proceeding of the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			262-266	2013
32.	Simultaneous determination of metoprolol and amlodipine in a multi-components pharmaceuticals by HPLC with photo diode array detector	4	X	Proceeding of the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			267-271	2013
33.	Separation of omeprazole enantiomers by capillary zone electrophoresis	3	X	Proceeding of the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			272-276	2013
34.	Development of a HPLC method for simultaneous quantitative determination of two meloxicam related impurities	3	X	Proceeding of the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			302-305	2013
35.	Analysis of alkaloids in Lotus (<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn.) embryo by non-aqueous capillary electrophoresis using ultraviolet and mass spectrometric detection	5		Proceeding of the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			316-321	2013
36.	Establishment of reference standard taxuspine F for quality control of herbal medicinal products from cultivated <i>Taxus wallichiana</i>	5		Proceeding of the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			328-332	2013

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
37.	Synthesis and standardization of <i>n</i> -[(2 <i>z</i>)-3-ethyl-5-methyl-1,3-thiazol-2(3 <i>h</i>)-ylidene]-4-hydroxy-2-methyl-2 <i>h</i> -1,2-benzothiazine-3-carboxamide-1,1-dioxide as impurity D of meloxicam	3		Proceeding of the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			333-337	2013
38.	Preparation of <i>D</i> -phenylglycine and 7-aminodesacetoxy cephalosporanic acid from cephalixin using immobilized enzyme on stearate calcium for establishing reference substances	4	X	Proceeding of the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			492-496	2013
39.	Synthesis of 3-ethyl 5-methyl 2-[(2-aminoethoxy)methyl]-4-(2-chlorophenyl)-6-methylpyridine-3,5-dicarboxylate as amlodipine impurity D	5		Proceeding of the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			531-534	2013
40.	Study on the chemical composition of <i>Codonopsis tangshen</i>	2	X	Proceeding of the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			909-912	2013
41.	Isolation and identification of two taxoids from the needles of <i>Taxus wallichiana</i> Zucc. cultivated in Lam Dong province	7	X	Proceeding of the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			917-922	2013
42.	Isolation and structure elucidation of alkaloids in <i>Plumula nelumbinis</i> of Vietnam	3		Proceeding of the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			938-943	2013
43.	Isolation and structure elucidation of flavonoids from leaves of Lotus (<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn.)	3		Proceeding of the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences			952-957	2013

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
44.	Isolation and structure elucidation of flavonoids from Lotus (<i>Nelumbo nucifera</i>) embryo	3		Proceeding of The 1 st International Conference on Pharmacy Education and Research Network of ASEAN (ASEAN PharmNET I)			297-301	2015
45.	Simultaneous quantitative determination of main flavonoid compounds in Lotus (<i>Nelumbo nucifera</i>) embryo by capillary zone electrophoresis	3	X	Proceeding of ASEAN PharmNET I			302-306	2015
46.	Isolation of apigenin and luteolin from herb <i>Scutellaria barbata</i> D. Don	3		Proceeding of ASEAN PharmNET I			328-332	2015
47.	Synthesis of (2RS)-2-methyl-1-nitroso-2,3-dihydro-1H-indole and 4-chloro-N-(2-methyl-1H-indol-1-yl)-3-sulphamoylbenzamide as indapamide impurities	2	X	Proceeding of ASEAN PharmNET I			381-386	2015
48.	Analysis of salbutamol enantiomers by capillary zone electrophoresis with beta-cyclodextrin derivatives as chiral selective agents	3		Proceeding of ASEAN PharmNET I			416-421	2015
49.	Optimization of synthetic process of methyl β -cyclodextrin as chiral selector	4		Proceeding of ASEAN PharmNET I			422-427	2015
50.	Synthesis of [2-[2-fluoro-4-(1H-1,2,4-triazol-1-yl)phenyl]-1,3-bis(1H-1,2,4-triazol-1-yl)-propan-2-ol] and 1,1'-(1,3-phenylene)di(1H-1,2,4-triazol) as fluconazole impurities	3	X	Proceeding of ASEAN PharmNET I			435-440	2015
51.	Synthesis of p-toluensulfonamide and 2-nitrosooctahydrocyclopent a[c]pyrrole as gliclazide impurities	3	X	Proceeding of ASEAN PharmNET I			441-446	2015

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
52.	Simultaneous determination of selected antiretroviral drugs in plasma samples collected from HIV-TB co-infected patients by HPLC	3	X	Proceeding of ASEAN PharmNET I			464-469	2015
53.	Synthesis of 2-[4-(4-chlorobenzoyl)phenoxy]-2-methylpropanoic acid, methyl 2-[4-(4-chlorobenzoyl)phenoxy]-2-methylpropanoate, and ethyl 2-[4-(4-chlorobenzoyl)phenoxy]-2-methylpropanoate as fenofibrate impurities	3	X	Proceeding of ASEAN PharmNET II			64-70	2017
54.	Synthesis and purity determination of <i>N</i> -butyryl- <i>N</i> -{[2'-(1 <i>H</i> -tetrazole-5-yl)-biphenyl-4-yl]methyl}- <i>L</i> -valine as related valsartan impurity	4	X	Proceeding of ASEAN PharmNET II			77-84	2017
55.	Development and validation of LC-MS/MS method for simultaneous determination of valsartan and nifedipine in human plasma	4	X	Proceeding of ASEAN PharmNET II			155-164	2017
56.	Optimization of the synthesis of methoxycarbonyl- β -cyclodextrin as chiral selector	3		Proceeding of ASEAN PharmNET II			184-190	2017
57.	Analysis of tramadol enantiomers by capillary zone electrophoresis with <i>beta</i> -cyclodextrin derivatives as chiral selective agents	4		Proceeding of ASEAN PharmNET II			191-196	2017
58.	Development of LC-MS/MS method for simultaneous determination of pepsin, lipase, alpha- amylase in human gastric juice	5		Proceeding of ASEAN PharmNET II			333-343	2017

7.1.3. Tạp chí trong nước

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi được công nhận chức danh phó giáo sư năm 2005								
59.	Nghiên cứu kỹ thuật điều chế gel erythromycin stearat	3		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		4/1, 5-9	2000
60.	Ôn định phương pháp xác định hoạt lực các chất kháng nấm trên nấm sợi	5		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		4/1, 47-51	2000
61.	Khảo sát độ giải phóng hoạt chất của viên nang amoxicillin	2	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		6/4, 272-277	2002
62.	Định lượng chlorpheniramin trong các chế phẩm đơn và đa thành phần bằng phương pháp quang phổ	3		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		6/4, 278-283	2002
63.	Định lượng loperamide trong viên nén và viên nang bằng phương pháp quang phổ đạo hàm bậc 1	2	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		6/4, 284-288	2002
64.	Góp phần xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm viên nén nimesulid	2	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		6/4, 289-293	2002
65.	Định lượng nimesulid trong viên nén bằng phương pháp quang phổ đạo hàm bậc hai	2	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		4, 16-18	2003
66.	Nghiên cứu kỹ thuật điều chế gel ketoprofen	3	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		9, 21-23, 35	2003
67.	Nghiên cứu kỹ thuật điều chế gel erythromycin	2	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		7/4, 243-247	2003
68.	Thăm dò qui trình chiết xuất công nghiệp và góp phần xây dựng tiêu chuẩn cao đặc Râu Mèo	2	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		7/4, 248-253	2003
69.	Tiêu chuẩn hóa chế phẩm gel ketoprofen	3		Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		1, 21-24	2004
70.	Góp phần tiêu chuẩn hóa cao khô rau má – nghệ	3		Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		3,4, 23-26	2004
71.	Tiêu chuẩn hóa chế phẩm gel erythromycin	2	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		6, 23-26	2004
72.	Định lượng loperamid trong các chế phẩm bằng phương pháp acid màu	2	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		9, 13-15, 26	2004
73.	Định lượng celecoxib trong các chế phẩm bằng phương pháp điện di mao quản	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		10, 16-20	2004

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Sau khi được công nhận chức danh phó giáo sư năm 2005								
74.	Nghiên cứu định lượng amoxicillin và acid clavulanic trong huyết thanh người bằng phương pháp HPLC	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		9, 23-26	2005
75.	Định lượng đồng thời stavudin, lamivudin và nevirapin trong chế phẩm đa thành phần bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò dây diod quang	2	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		12, 36-39	2007
76.	Xây dựng quy trình xác định dư lượng thuốc trừ sâu diazinon, chlorpyrifos, alpha cypermethrin và fenvalerat phun trên rau bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò dây diod quang	2	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		2, 16-21, 27	2008
77.	Phân tích lamivudin và tạp đồng phân bằng phương pháp điện di mao quản	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		5, 38-42	2008
78.	Định lượng đồng thời paracetamol, cafein và clorpheniramin trong chế phẩm đa thành phần bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò dây diod quang	2	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		6, 24-27	2008
79.	Định lượng flavonoid toàn phần trong cao bạch quả và viên bao phim O.P. CAN® bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	2	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		8, 21, 25-29	2008
80.	Xây dựng quy trình định lượng và khảo sát độ ổn định viên nén meloxicam bằng phương pháp HPLC với đầu dò PDA	2	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		10, 18-23	2008
81.	Đánh giá tương đương sinh học của viên nén Tatanol extra chứa paracetamol và ibuprofen	3	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		12, 7-12	2008
82.	Khảo sát ảnh hưởng của eudragit NE 30D đến khả năng giải phóng hoạt chất của nang chứa cao bạch quả (<i>Ginkgo biloba</i>)	5	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		1, 19-22	2009
83.	Xây dựng công thức cho chế phẩm chứa cao bạch quả (<i>Ginkgo biloba</i>) dùng một liều trong ngày	6	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		13/1, 68-72	2009

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
84.	Xây dựng qui trình định lượng flavonoid toàn phần trong cao bạch quả, viên bao phim O.P.Can và quercetin trong huyết tương người bằng phương pháp HPLC	6	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		13/1, 78-83	2009
85.	Định lượng đồng thời paracetamol, clorpheniramin, dextromethorphan và pseudoephedrin trong chế phẩm đa thành phần bằng phương pháp HPLC với đầu dò dây diod quang	2	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		13/1, 120-126	2009
86.	Định lượng salbutamol trong huyết tương người bằng phương pháp HPLC	2	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		13/1, 127-130	2009
87.	Xác định một số phẩm màu hữu cơ tan trong nước có trong tương ớt	2	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		13/1, 247-254	2009
88.	Xây dựng qui trình định lượng amlodipin trong huyết tương người bằng phương pháp LC/MS/MS	5	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		2, 25-28	2009
89.	Định lượng đồng thời một số thuốc ức chế men chuyển và thuốc lợi tiểu bằng kỹ thuật điện di mao quản vùng	3	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		4, 26, 44-48	2009
90.	Định lượng đồng thời một số thuốc ức chế beta và thuốc ức chế calci bằng kỹ thuật sắc ký mixen điện động	3	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		6, 31-36	2009
91.	Định lượng đồng thời atorvastatin, lovastatin và simvastatin bằng kỹ thuật sắc ký mixen điện động	3	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		9, 45-50	2009
92.	Ứng dụng tác nhân đối quang 2-hydroxypropyl <i>beta</i> -cyclodextrin trong phân tích đồng phân amlodipin bằng phương pháp điện di mao quản	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		10, 8, 41-44	2009
93.	Ứng dụng các tác nhân đối quang hydroxyalkyl <i>beta</i> -cyclodextrin trong phân tích đồng phân quang học propranolol bằng phương pháp điện di mao quản	5	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		12, 21-25	2009

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
94.	Xây dựng quy trình xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm carbamat thường sử dụng trên rau bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò huỳnh quang	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		3, 39-45	2010
95.	Xây dựng quy trình định lượng desloratadin bằng phương pháp HPLC với đầu dò PDA	3	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		10, 28-32	2010
96.	Ứng dụng các tác nhân đối quang <i>beta</i> -cyclodextrin và hydroxyalkyl <i>beta</i> -cyclodextrin trong phân tích đồng phân quang học miconazol bằng phương pháp điện di mao quản	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		11, 39-43	2010
97.	Tiêu chuẩn hóa các dẫn chất quang hoạt <i>cis</i> -n-heptyl-phthalazinon và <i>cis</i> -n-benzyl-phthalazinon có tác dụng kháng viêm	4		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		15/1, 13-19	2011
98.	Tổng hợp, xác định cấu trúc các dẫn chất quang hoạt n-heptyl và n-benzyl của <i>cis</i> (+); <i>cis</i> (-)-4-(3,4-dimethoxyphenyl)hexahydro phthalazinon có tác dụng sinh học	5		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		15/1, 359-364	2011
99.	Tổng hợp các dẫn chất ester của <i>beta</i> -cyclodextrin	4		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		15/1, 365-371	2011
100.	Nghiên cứu thành phần alkaloid trong tâm sen (<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn Nelumbonaceae)	3		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		15/1, 606-611	2011
101.	Xây dựng qui trình định lượng neferin trong cao chiết alkaloid toàn phần từ tâm sen (<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn Nelumbonaceae) bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò dãy diod quang	3		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		15/1, 628-632	2011
102.	Xây dựng quy trình xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm lân hữu cơ thường sử dụng trên rau bằng phương pháp sắc ký khí với đầu dò ion hóa ngọn lửa phosphor – nitrogen	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		1, 10-16	2011

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
103.	Xác định độ tinh khiết quang học của dẫn chất <i>cis</i> -N-benzyl và <i>cis</i> -N-heptyl phthalazinon bằng phương pháp HPLC sử dụng pha tĩnh bất đối	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		4, 32-37	2011
104.	Ứng dụng tác nhân đối quang hydroxybutyl <i>beta</i> -cyclodextrin trong phân tích đồng phân quang học ketoconazol bằng phương pháp điện di mao quản	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		6, 45-49	2011
105.	Ứng dụng tác nhân đối quang hydroxybutyl <i>beta</i> -cyclodextrin trong phân tích đồng phân quang học promethazin bằng phương pháp điện di mao quản	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		8, 49-53	2011
106.	Xây dựng quy trình xác định dư lượng thuốc trừ sâu dicofol và nhóm pyrethroid thường sử dụng trên rau bằng phương pháp sắc ký khí với đầu dò cộng kết điện tử	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		10, 33-39	2011
107.	Simultaneous quantitative analysis of major saponins in <i>Vietnamese Ginseng</i> by HPLC	5		Tạp chí Dược liệu	ISSN: 0868-3859		17/1, 42-47	2012
108.	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời quercetin, kaempferol, catechin và quercetin-3-O-glucuronid trong lá sen bằng phương pháp HPLC với đầu dò PDA	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		3, 17-21	2012
109.	Nghiên cứu bào chế siro desloratadin	4		Tạp chí Y học thực hành	ISSN: 1859-1663		818, 819, 48-53	2012
110.	Xây dựng phương pháp kiểm nghiệm chất lượng các dẫn chất quang hoạt <i>cis</i> -N-heptyl tetrahydro phthalazinon và <i>cis</i> -N-benzyl tetrahydro phthalazinon có tác dụng kháng viêm	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		11, 54-58	2012
111.	Nghiên cứu bào chế viên bao phim glucosamin 750 mg giải phóng nhanh	3	X	Tạp chí Y học thực hành	ISSN: 1859-1663		852, 853, 473-476	2012

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
112.	Định lượng đồng thời paracetamol, loratadin và dextromethorphan HBr trong chế phẩm đa thành phần bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò dãy diod quang	2	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		1, 25-29	2013
113.	Tổng hợp 2-O-[(S)-2'-hydroxypropyl]- β -cyclodextrin và 2-O-[(R)-2'-hydroxypropyl]- β -cyclodextrin	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		3, 47-50	2013
114.	Xây dựng qui trình định lượng đồng thời nuciferin, pronuciferin, o-nornuciferin và isoliensinin trong lá sen bằng phương pháp HPLC với đầu dò PDA	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		5, 27-31	2013
115.	Khảo sát hoạt tính kháng viêm của các dẫn chất quang hoạt <i>cis</i> -N-heptyl tetrahydro phthalazinon và <i>cis</i> -N-benzyl tetrahydro phthalazinon	5	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		6, 6, 38-41	2013
116.	Phân lập và thiết lập chất chuẩn majonosid – R2 từ sâm Việt Nam (<i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv.)	7		Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		8, 14-20	2013
117.	Phân lập, xác định cấu trúc một số hợp chất tự nhiên từ lá Thông đỏ lá dài (<i>Taxus walichiana</i> Zucc.) và thiết lập chất chuẩn đối chiếu taxuspine F đã phân lập	7		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		18/1, 235-242	2014
118.	Ứng dụng tác nhân đối quang <i>beta</i> -cyclodextrin và dẫn chất trong phân tích đồng phân quang học cetirizin bằng phương pháp điện di mao quản	3		Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		2, 29-34	2014
119.	Xây dựng quy trình định lượng tạp đồng phân <i>R</i> -omeprazol của esomeprazol bằng phương pháp HPLC	2	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		3, 36-41,46	2014
120.	Xây dựng qui trình định lượng và khảo sát tốc độ phóng thích hoạt chất của thuốc dán clonidin	6		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		18/2, 7-13	2014

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
121.	Xây dựng qui trình định lượng clonidin trong huyết tương thô bằng phương pháp HPLC với đầu dò PDA	6		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		18/2, 14-20	2014
122.	Khảo sát hoạt tính kháng viêm của các dẫn chất quang hoạt <i>cis</i> -N-heptyl hexahydro phthalazinon và <i>cis</i> -N-benzyl hexahydro phthalazinon	4		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		18/2, 122-127	2014
123.	Xác định độ tinh khiết quang học của dẫn chất <i>cis</i> -N-benzyl và <i>cis</i> -N-heptyl tetrahydro phthalazinon bằng phương pháp HPLC sử dụng pha tĩnh bất đối	4		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		18/2, 128-133	2014
124.	Xây dựng quy trình định lượng tạp chất phân hủy của esomeprazol bằng phương pháp HPLC	2		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		18/2, 134-138	2014
125.	Xây dựng quy trình định lượng glucosamin bằng phương pháp HPLC với đầu dò PDA	3		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		18/2, 157-161	2014
126.	Tiêu chuẩn hóa hợp chất 5-methylthiazol-2-ylamin để làm chất đối chiếu sử dụng trong kiểm nghiệm tạp chất liên quan của meloxicam	3		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		18/2, 175-181	2014
127.	Tổng hợp và xác định độ tinh khiết captopril disulfid	5	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		10, 67-71	2014
128.	Định lượng đồng thời clorpheniramin maleat, paracetamol và salicylamid trong chế phẩm đa thành phần bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	3	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		11, 34-39	2014
129.	Xây dựng qui trình phân tích đồng phân quang học sulpirid bằng phương pháp điện di mao quản	3	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		12, 21-26	2014
130.	Thiết lập chất đối chiếu captopril disulfid và xây dựng qui trình HPLC định lượng tạp chất captopril disulfid trong nguyên liệu và chế phẩm captopril	6	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		2, 18-23	2015
131.	Xây dựng qui trình định lượng đồng thời một số thuốc kháng HIV trong huyết tương người bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	3	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		4, 30-39	2015

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
132.	Tổng hợp và xác định độ tinh khiết quang hoạt của <i>D</i> - α -phenylglycin	4	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		19/3, 459-465	2015
133.	Xây dựng quy trình xác định tạp chất liên quan cyanoguanidin của metformin bằng phương pháp điện di mao quản	3	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		19/3, 466-473	2015
134.	Tổng hợp dẫn xuất methyl, carboxymethyl và methoxycarbonyl của <i>beta</i> -cyclodextrin	4		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		19/3, 497-503	2015
135.	Xây dựng quy trình phân tách đồng phân quang học sulpirid bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	3	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		12, 27-32	2015
136.	Thiết lập chất đối chiếu 4-methylbenzensulfonamid (tạp A), 2-nitroso-octahydrocyclopenta[c]pyrrol (tạp B) và xây dựng qui trình HPLC định lượng đồng thời tạp A, tạp B trong chế phẩm gliclazid	2	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		2, 40-45	2016
137.	Xây dựng yêu cầu kỹ thuật và đánh giá phần mềm quản lý khoa xét nghiệm huyết học theo tiêu chuẩn ISO 15189:2012	3	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		20/2, 31-37	2016
138.	Tổng hợp và tiêu chuẩn hóa tạp chất liên quan diketopiperazin (tạp F) của perindopril	3	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		20/2, 151-157	2016
139.	Thiết lập chất đối chiếu methylnitrosoindolin (tạp A) và dehydroindapamid (tạp B) và kiểm tra tạp A và tạp B trong chế phẩm indapamid	2	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		20/2, 158-163	2016
140.	Thiết lập chất đối chiếu [2-[2-flouro-4-(1H-1,2,4-triazol-1-yl)phenyl]-1,3-bis(1H-1,2,4-triazol-1-yl)-propan-2-ol] (tạp A) và 1,1'-(1,3-phenylen)di(1H-1,2,4-triazol) (tạp C) và kiểm tra tạp A và tạp C trong nguyên liệu và chế phẩm fluconazol	3	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		20/2, 164-169	2016
141.	Tổng hợp và xác định độ tinh khiết của dehydronifedipin (tạp A) và dehydronitroso nifedipin (tạp B) của nifedipin	4	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		20/2, 170-176	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
142.	Đánh giá sinh khả dụng trên thỏ của thuốc dẫn hấp thu qua da chứa clonidin 7,5 mg	6		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		20/2, 293-300	2016
143.	Góp phần xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật nguyên liệu nọc bò cạp (<i>Venenum Heterometrus laoticus</i>)	5	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		20/2, 346-352	2016
144.	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời một số thuốc kháng lao trong huyết tương bệnh nhân đồng nhiễm HIV-lao bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	3	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		3, 14-20	2016
145.	Thiết lập chất đối chiếu dehydronifedipin (tạp A), dehydronitroso nifedipin (tạp B) và ứng dụng qui trình HPLC kiểm tra tạp A, tạp B trong chế phẩm	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		4, 56-60	2016
146.	Xây dựng phương pháp HPLC để kiểm nghiệm tạp chất liên quan cho thành phẩm perindopril và indapamid	2	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		5, 45-51	2016
147.	Nghiên cứu bào chế và đánh giá tương đương độ hòa tan <i>in vitro</i> viên bao phim chứa metoprolol 50 mg phóng thích kéo dài và amlodipin 5 mg phóng thích nhanh với viên đối chiếu Selomax® 50/5	5	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		6, 42-47	2016
148.	Định lượng đồng thời metformin và sitagliptin trong viên nén hai lớp bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	5	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		8, 21-25	2016
149.	Định lượng đồng thời amlodipin và valsartan bằng phương pháp HPLC với đầu dò PDA	2	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		11, 35-40	2016
150.	Xây dựng qui trình định lượng đồng thời quercitrin, vitexin, scutellarein 7-O- β -D-GlcA methyl ester và quercetin 3-O- β -D-GlcA trong tâm sen bằng phương pháp HPLC với đầu dò PDA	3	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		11, 72-75	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
151.	Xây dựng qui trình phân tích đồng phân quang học (S)-ibuprofen bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	3		Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		12, 22-26	2016
152.	Phân lập chất đánh dấu carthamin từ hoa Hồng Hoa <i>Carthamus tinctorius</i> L., Asteraceae	3		Tạp chí Y học TP HCM	ISSN: 1859-1760		21/1, 180-184	2017
153.	Ứng dụng tác nhân đối quang trong phân tách đồng phân tramadol bằng phương pháp điện di mao quản	4		Tạp chí Y học TP HCM	ISSN: 1859-1760		21/1, 230-234	2017
154.	Khảo sát sự phù hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo dược sĩ đại học định hướng chuyên ngành kiểm tra chất lượng thuốc với các bên liên quan		X	Tạp chí Y học TP HCM	ISSN: 1859-1760		21/1, 516-521	2017
155.	Nghiên cứu tác động giảm đau, kháng viêm của các phân đoạn tách từ nọc rắn cạp nong <i>Bungarus fasciatus</i> phân bố tại Vĩnh Phúc	8		Tạp chí Y học TP HCM	ISSN: 1859-1760		21/1, 522-530	2017
156.	Khảo sát tác động kháng viêm và giảm đau của chế phẩm kem bôi da chứa nọc bò cạp <i>Heterometrus laoticus</i>	8		Tạp chí Y học TP HCM	ISSN: 1859-1760		21/1, 531-537	2017
157.	Định lượng đồng thời tạp chất liên quan D và E của omeprazol bằng phương pháp HPLC-PDA	2	X	Tạp chí Y học TP HCM	ISSN: 1859-1760		21/1, 538-545	2017
158.	Xây dựng phương pháp xác định cephalixin trên bề mặt và trong nguồn nước thải của nhà máy sản xuất kháng sinh β -lactam	3	X	Tạp chí Y học TP HCM	ISSN: 1859-1760		21/1, 546-553	2017
159.	Tổng hợp và tiêu chuẩn hóa tạp chất L-cystin và N,N'-diacetyl-L-cystin của N-acetylcystein	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		7, 35-40	2017
160.	Tổng hợp và xác định độ tinh khiết tạp chất liên quan 2-azaspiro[4.5]decan-3-on của gabapentin	5	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		7, 60-62,80	2017
161.	Phân tích vết piperacillin trong môi trường sản xuất của nhà máy sản xuất kháng sinh piperacillin	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		11, 17-22	2017

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
162.	Tổng hợp và tiêu chuẩn hóa tạp chất acid carboxylic clopidogrel của clopidogrel bisulfat	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		12, 53-57	2017
163.	Thiết lập tạp chất đối chiếu tạp A của gabapentin; xây dựng quy trình HPLC định lượng đồng thời gabapentin, tạp A trong nguyên liệu và chế phẩm gabapentin	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		1, 33-37	2018
164.	Thiết lập tạp chất đối chiếu <i>N</i> -butyryl- <i>N</i> -{[2'-(1H-tetrazol-5-yl)biphenyl-4-yl]methyl}-L-valin (tạp B của valsartan); xây dựng quy trình định lượng tạp B trong nguyên liệu và thành phẩm valsartan	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		1, 45-49	2018
165.	Xây dựng qui trình phân tích một số glucocorticoid nguy tạo trong chế phẩm được liệu bằng phương pháp UHPLC-UV-Vis	3		Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		2, 41-44	2018
166.	Tối ưu hóa quy trình tổng hợp carboxymethyl-beta-cyclodextrin	4		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		22/1, 216-220	2018
167.	Khảo sát độ ổn định viên hai lớp chứa metoprolol 50 mg phóng thích kéo dài và amlodipin 5 mg phóng thích nhanh	3	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		22/1, 408-415	2018
168.	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời fexofenadin và tạp A bằng phương pháp HPLC	3	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		22/1, 416-425	2018
169.	Tự đánh giá chương trình đào tạo dược sĩ đại học hệ chính quy của Khoa Dược – Đại học Y Dược TP.HCM theo tiêu chuẩn mới của AUN	3	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		22/1, 426-435	2018
170.	Xây dựng quy trình định lượng một số chất bảo quản nhóm paraben trong chế phẩm kem bôi da bằng HPLC-PDA	2	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		22/1, 436-444	2018
171.	Nghiên cứu bào chế viên nén hai lớp phóng thích kéo dài chứa felodipin 5 mg và metoprolol 50 mg	5		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		22/1, 511-520	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
172.	Xác định dư lượng cloramphenicol, florfenicol, thiamphenicol, ofloxacin, ciprofloxacin, enrofloxacin có trong nước thải bằng phương pháp LC-MS/MS	4		Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		9, 7-11, 15	2018
173.	Tổng hợp và xác định độ tinh khiết của S-allyl-L-cystein	3		Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		9, 64-69	2018
174.	Định lượng sofosbuvir trong chế phẩm bằng phương pháp quang phổ UV-Vis, HPLC và CE	2	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		11, 51-56	2018
175.	Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng pinoresinol diglucosid trong cao khô Đỗ trọng bằng phương pháp HPLC	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		11, 60-64	2018
176.	Tổng hợp và xác định độ tinh khiết tạp chất liên quan D (ethyl 5-amino-1H-pyrazol-4-carboxylat) của alopurinol	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		12, 32-36	2018
177.	Định lượng đồng thời metronidazol và spiramycin I trong huyết tương người bằng LC-MS/MS	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		01, 17-22	2019
178.	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời geniposid và pinoresinol diglucosid trong viên nén 2 thành phần Dành dành – Đỗ trọng bằng phương pháp HPLC	3	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		02, 24-30	2019
179.	Tổng hợp và xác định độ tinh khiết tạp B của carvedilol	7		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		23/2, 70-76	2019
180.	Khảo sát sự phù hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo dược sĩ đại học của Đại học Y Dược TP. HCM với các bên liên quan ngoài	2	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		23/2, 125-131	2019
181.	Xây dựng quy trình định lượng geniposid trong cao khô Dành dành bằng phương pháp HPLC	4	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		23/2, 132-142	2019
182.	Thực trạng sử dụng và đặc điểm hỗn hợp pha chế dịch truyền dinh dưỡng theo đơn tại Bệnh viện Nhi Đồng 2 năm 2017	7	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		23/2, 143-149	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
183.	Thiết lập chất đối chiếu và kiểm nghiệm tạp B và tạp C của glimepirid trong nguyên liệu và chế phẩm glimepirid	3	X	Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		23/2, 161-169	2019
184.	Tổng hợp dẫn xuất mono-6-amino-6-deoxy-betacyclodextrin	3		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		23/2, 462-467	2019
185.	Xây dựng quy trình định lượng sắc tố đỏ trong Hồng hoa bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	6		Tạp chí Y học TPHCM	ISSN: 1859-1760		23/2, 685-689	2019
186.	Tổng hợp và xác định độ tinh khiết tạp chất liên quan glimepirid sulfonamid (tạp B) và glimepirid urethan (tạp C)	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		03, 47-53	2019
187.	Tổng hợp và xác định độ tinh khiết của tạp chất liên quan D (N-[2[[[5-[(dimethylamino)methyl]-2-furanyl]methyl]thio]ethyl]-2-nitroacetamid) của ranitidin	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		10, 13-18	2019
188.	Định lượng đồng thời atorvastatin, amlodipin, peprindopril arginin bằng phương pháp điện di mao quản	4	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		11, 43-49	2019
189.	Định lượng đồng thời amlodipin, losartan và chất chuyển hóa acid carboxylic losartan trong huyết tương người bằng kỹ thuật LC-MS/MS	6	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		12, 21-29	2019
190.	Định lượng đồng thời atorvastatin, amlodipin, peprindopril arginin bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	2	X	Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		1, 31-37	2020
191.	Ứng dụng tác nhân đối quang trong phân tích đồng phân ketoprofen bằng phương pháp điện di mao quản	3		Tạp chí Y học TPHCM B	ISSN: 1859-1779		24/2, 62-67	2020
192.	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời irbesartan và hydrochlorothiazid trong huyết tương người bằng kỹ thuật LC-MS/MS	6	X	Tạp chí Y học TPHCM B	ISSN: 1859-1779		24/2, 131-141	2020
193.	Tổng hợp và xác định độ tinh khiết tạp D của carvedilol	6		Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		5, 28-32	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
194.	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời apoglaziovine, caaverin, n-methyl asimilobin trong lá sen bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò dây diod quang	3		Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		5, 79-84	2020
195.	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời alcaloid khùng benzyl isoquinolin có trong tâm sen (<i>Plumula nelumbinis</i>) bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò dây diod quang	4		Tạp chí Dược học	ISSN: 0866-7225		6, 46-50	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau khi được công nhận PGS: 7.

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Giải nhất tại Hội nghị Khoa học – Công nghệ tuổi trẻ các trường Đại học, Cao đẳng Y-Dược Việt Nam lần thứ XVIII tại Đà Nẵng, ngày 17-19/05/2016	Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	Bằng khen số 283-QĐ/TWĐTN, ngày cấp 19/05/2016	5
2	Giải nhất báo cáo thuyết trình tại Hội nghị ASEAN PharmNET I, 2-4/12/2015, Bangkok, Thái Lan	Ban Tổ chức Hội nghị ASEAN PharmNET I	Giấy chứng nhận ngày 4/12/2015	1
3	Hướng dẫn đề tài nghiên cứu khoa học đạt giải nhất tại Hội nghị Khoa học Công nghệ tuổi trẻ các trường Đại học, Cao đẳng Y – Dược Việt Nam lần thứ XVI	Ban Tổ chức Hội nghị	Giấy chứng nhận ngày 20/05/2012	3

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
4	Giải nhì tại Hội nghị Khoa học Công nghệ tuổi trẻ các Trường Y Dược Việt Nam lần thứ 14	Đại học Y Dược Huế	Giấy chứng nhận ngày 20/05/2008	2

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS: **1-4**.

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế

- Từ kết quả của đề tài cấp thành phố “Xây dựng và ứng dụng các quy trình xác định dư lượng thuốc trừ sâu thuộc các nhóm clor hữu cơ, lân hữu cơ, cúc tổng hợp và carbamat thường sử dụng trên rau bằng phương pháp HPLC và GC” được nghiệm thu vào ngày 21/06/2011, đã chuyển giao ba quy trình xác định dư lượng thuốc trừ sâu nhóm carbamat, nhóm lân hữu cơ, nhóm clor hữu cơ và cúc tổng hợp thường sử dụng trên rau cho Chi cục Bảo vệ thực vật TP. HCM.

- Từ kết quả của đề tài cấp thành phố “Nghiên cứu điều chế và tiêu chuẩn hóa một số hợp chất để làm chất đối chiếu sử dụng trong kiểm nghiệm tạp chất liên quan của thuốc” được nghiệm thu vào ngày 23/03/2016, đã tiến hành ký ba Hợp đồng số 503/HĐ-VKNT, 504/HĐ-VKNT và 505/HĐ-VKNT ngày 24/11/2015 với Viện Kiểm nghiệm thuốc TP. HCM về việc sản xuất tạp chất đối chiếu.

- Thành viên của Hội đồng Khoa học – Đào tạo Khoa Dược từ năm 2015 – 2020: tham gia xây dựng chương trình đào tạo định hướng chuyên ngành Kiểm tra chất lượng thuốc. Đã ứng dụng các công trình nghiên cứu về tổng hợp, tiêu chuẩn hóa và kiểm nghiệm tạp chất trong nguyên liệu và thành phẩm thuốc để xây dựng một môn học mới “Kiểm nghiệm tạp chất liên quan” giảng dạy cho sinh viên năm cuối chọn định hướng chuyên ngành Kiểm tra chất lượng thuốc. Đây là nội dung mới, lần đầu tiên được giảng dạy tại Khoa Dược và các trường đại học có đào tạo dược sĩ trong nước. Kiểm nghiệm tạp chất là một vấn đề hiện nay đang được Cục Quản lý Dược và các cơ sở sản xuất thuốc trong nước quan tâm trong công tác kiểm tra chất lượng thuốc tại Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng thuốc được sản xuất trong nước. Ngày 05/09/2018, Hiệu trưởng Đại học Y Dược TP. HCM đã ký Quyết định số 3450/QĐ-ĐHYD ban hành chương trình đào tạo đại học chính quy.

- Thành viên tham gia biên soạn đề án mở ngành Tổ chức – Quản lý dược trình độ Thạc sĩ với vai trò phân tích các kết quả khảo sát cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về nhu cầu đào tạo và năng lực cần có của một thạc sĩ chuyên ngành Tổ chức và quản lý dược, từ đó là cơ sở để xây dựng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo. Ngày 14/06/2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra

Quyết định số 1661/QĐ-BGDĐT cho phép Đại học Y Dược TP. HCM đào tạo ngành Tổ chức quản lý dược trình độ thạc sĩ.

- Thành viên tham gia chính hai chương trình nghiên cứu khoa học cấp quốc gia đã được nghiệm thu của Khoa Dược, Đại học Y Dược TP. HCM (*Chương trình 1 “Nghiên cứu nâng cao chất lượng một số chế phẩm thuốc sản xuất trong nước” và Chương trình 2 “Nghiên cứu bào chế hệ trị liệu hấp thu qua da đối với scopolamin, clodinin và captopril”*): có vai trò chính trong việc nâng cao tiêu chuẩn chất lượng và đánh giá sinh khả dụng một số chế phẩm thuốc sản xuất trong nước và hệ trị liệu hấp thu qua da.

Ngoài ra còn tham gia các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia biên soạn Dược điển Việt Nam IV (năm 2013), V (năm 2017) và VI.

- Tham gia nhóm biên soạn chuẩn năng lực cơ bản dược sĩ đại học do Cục Khoa học Công nghệ & Đào tạo, Bộ Y tế chủ trì. Ngày 15/10/2019, Bộ Y tế đã ra Quyết định số 4815/QĐ-BYT về việc phê duyệt tài liệu “Chuẩn năng lực cơ bản của Dược sỹ Việt Nam”.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2020

Người đăng ký



Nguyễn Đức Tuấn